UBND HUYỆN MỸ TÚ
TRƯỜNG TH THUẬN HƯNG C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 7

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học đầu năm học 2023–2024

(Theo Thông tư số: 36/2017/TT-BGD ĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2017)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	19/21L	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	**19**	-
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	36	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	**Số điểm trường lẻ**	3	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	6.525	10,06
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	4.870	7.15
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1.064	1,64
2	Diện tích thư viện (m^2)	90,72	0,16
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất (nhà đa năng) (m^2)*	120	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	0	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	0	
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	56	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	0	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	0	

9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	28	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định**	491	
1.1	Khối lớp 1	115	19
1.2	Khối lớp 2	151	30
1.3	Khối lớp 3	83	21
1.4	Khối lớp 4	74	19
1.5	Khối lớp 5	68	17
2	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định**	515	
2.1	Khối lớp 1	65	11
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	150	30
2.4	Khối lớp 4	150	30
2.5	Khối lớp 5	150	30
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	16	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	9	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6	.....		

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	0
XIII	**Khu nội trú**	0	0	0

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	3		0,2	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Thuận Hưng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phụ chú: còn thiếu 05 phòng học và 05 phòng bộ môn

Nguyễn Thị Hồng Tươi